

**TUYỂN TẬP LÝ ĐÔNG A**

**SẤM KHẢO**

**Học Hội Thăng Nghĩa - 2016**

# SĂM KHẢO

## Chương I

### SĂM VÀ GIÁO VẬN

Vấn đề này có quan hệ mật thiết với công cuộc tuyên truyền ở nơi thôn dã. Ở nơi đây con người sống trong một hoàn cảnh và theo những tập quán riêng, khác với thành thị, nên người làm cách mạng (CM) muốn đạt được kết quả hoàn toàn và làm tròn được tác dụng giáo dục trong công cuộc tuyên truyền nơi thôn dã, phải nhận thấy mấy điều sau này.

#### A. Nền Tảng Của Cách Mạng

1. Nền tảng xã hội của công cuộc cách mạng: Trong hiện tình xã hội nước ta, 90% dân chúng là người thôn quê sinh sống bằng nông nghiệp, tinh thần còn tiêm nhiễm nhiều quan điểm phong kiến và trình độ văn hoá còn chưa cao. Song công cuộc CM phải căn cứ vào đại đa số, tất nhiên phải lấy thôn quê làm chủ lực. Sự vận động được đa số giai tầng ấy là sự thành công lớn của CM.
2. Nền tảng đất đai của CM (vấn đề Địa Động): Khi dân chúng thôn quê được coi là chủ lực CM thì những địa động căn cứ CM thường là những nơi thôn dã, rừng núi hơn là những nơi đô hội, thành thị.
3. Cần phải nắm giữ được tình cảm (sentimentalité) và sinh hoạt tinh thần của đa số giai tầng làm vận động lực CM (force impulsive). Tất nhiên là phải nghiên cứu phong tục, tập quán, hy vọng, ngôn ngữ của đa số giai tầng ấy: phải sống như người nhà quê trong mọi phương diện, tham gia vào các tín ngưỡng, hy vọng của họ mới mong thành tác dụng được.

**B. Người Tuyên Truyền Cách Mạng**

1. Điều kiện của người tuyên truyền nơi thôn quê: cần nhất là vấn đề thể nghiệm quốc dân, phải tự mình đồng hoá với tư tưởng, sinh hoạt và thẩm nhuần vào đời sống của họ mới mong làm người CM chân chính được.
2. Nền học vấn dự bị cho người tuyên truyền nơi thôn quê, phải có:
  - a. Sinh hoạt về tổ chức nông thôn.
  - b. Đặc tính của một địa phương.
  - c. Lịch sử của một địa phương.
  - d. Quốc dân thể nghiệm.
  - e. Ca dao, tục ngữ, tiếng cổ và tiếng dân gian.
  - f. Sấm.
  - g. Đồng dao (câu hát trẻ con có khi chứa đựng lời sấm).
  - h. Quốc dân miên tưởng, miên cảm (sensation hypersomnambulique).
  - i. Những nhai đàm, hạng ngữ (câu truyện trong đường phố ngõ hẻm, đầu đường xó chợ).
3. Phương thức tuyên truyền nơi thôn quê: Người cán bộ phần nhiều là trí thức thành thị cho nên phải thẩm thấu vào quốc dân:
  - a. Nằm chắc nguyên tắc thông qua hình thức vào nội dung, phải thừa nhận những cái gì sẵn có ở nhà quê như là sự đương nhiên, rồi đem mình mà áp dụng vào. Cho nên từ những thể lực cho đến chế độ, tính tình, tục lệ, một người cán bộ phải theo đó mà tiến vào rồi tìm phương thức đặc biệt biến cái tự mình để vào nội dung.
  - b. Chú trọng về cảm tình: Quốc dân ta chỉ có xúc động về cảm tình thực tiễn, chứ chưa có lý trí. Người cán bộ cần giữ cho có nhân cách, lòng khí khái, hào hiệp để gây cảm tình.  
Một nhà thơ Đường, Ngụy Trưng có câu: "Nhân sinh cảm ý chí, công danh hà túc luận" (Người ta ở đời cảm về ý chí, công danh không đáng bàn). Hai câu đó thường biểu lộ được cái tinh thần hướng thượng hồn nhiên của người nhà quê.
  - c. Thẩm thấu từ bên trong: Như thế mới nắm giữ được nội dung mà lấy được những phần tử trung kiên của địa phương đào tạo thành cán bộ địa phương.

- d. Lợi dụng quan hệ xã hội mà mở rộng phạm vi tổ chức: Người nhà quê ngày nay vẫn còn tự hào về tính cách thể gia của mình. Ngoài ra vẫn còn giữ óc bè đảng. Điều cốt yếu là sự điều giải khéo léo về những tức khí tư cừu gia tộc, với một thái độ khách quan công chính của mình cho mọi người không ngờ vực sự thiên lệch về một thế lực nào.
4. Phương hướng tuyên truyền nơi thôn quê: Cần phải giải thích thật khoa học, tuần tự từ một chủ trương thô sơ nào đó cho đến chủ nghĩa Duy Dân. Trong công việc giải thích, sự dùng tiếng địa phương là cần thiết.

## **Chương II**

### **Sấm Trạng Trình**

#### **A. Sấm**

Tức là những lời tiên tri của những nhà thức giả đời xưa, bằng nghiên cứu thực học phối hợp với nghiên cứu thuần túy, truyền lại đời sau, coi như là bí mật chỉ dẫn cho quốc dân. Vậy Sấm có thể tiêu biểu cho phương diện học thuật, tình cảm, tức là phản ảnh của hy vọng, tín ngưỡng thâm kín của quốc dân.

Sấm của ta gồm có:

- a. Sấm Trạng Trình.
- b. Châu Văn truyền tự đời Lý.
- c. Ngũ Công Kinh, sách của người Tàu song có chỗ nói về vận mệnh nước ta.
- d. Đồng Dao, Đồng Văn.  
Trên tác dụng tuyên truyền, Sấm là chỉ đạo bí mật cho kẻ nào giữ được vận động lịch sử, song lại là cạm bẫy cho những kẻ hay y cứ vào đấy một cách sai lầm và vọng động.
- e. Nguồn gốc Sấm Trạng Trình: Sấm Trạng Trình do Thái Ất mà ra, nên ta cần phải biết qua Thái Ất học.

Thái Ất: Thái Ất là khoa học thuần túy số học, tập đại thành tất cả thể hệ học thuật của người Tàu, gọi là Âm Dương học. Thái nghĩa là Đại; Ất nghĩa là Nhất. Thái Ất là Đại Nhất, con số Một lớn, hay là Thái Cực, là cái bản thể đó, hoặc Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, rồi biến hóa vô cùng mãi mãi. Nói giản dị và khoa học, Thái Ất là sự tung hợp số học thuần túy của tuyệt đối và tương đối vận động với những nguyên tố đại danh số của vận động xã hội.

Sự vận động của xã hội thường theo hai trình tự:

- Trình tự Qui Nạp từ hình tượng vào số... khí... lý.
- Trình tự Diễn Dịch từ lý ra khí... số... tượng.

Đây là nói về phương diện thuần túy số học (mathématiques pures). Muốn áp dụng số vào Mệnh Vận Thực Tiễn Dân Tộc, cần phải nắm được:

- a. Nguồn gốc của quốc gia.
- b. Tí Ngọ tuyến của quốc thổ (méridien).

Hai điểm trên nắm được mới mong khu định được phân bố hoàn cảnh và không gian, thời gian (distribution écologique). Nay xét đến tác dụng của Thái ất thì chỉ là phù trợ công cụ trong thực học, chứ không phải là chỉ đạo công cụ. Cần phải có trình độ cao thâm về thực học mới dùng nổi Thái Ất, phải biết áp dụng được thông tính (caractère universel) của mọi vật vào trong đặc tính (caractère particulier) của một vật nào.

Ví dụ như: Người đọc Sấm thấy nói Ba Thục, Thái Nguyên, Trung Nguyên là tên đất của Tàu. Nếu người ấy có học lực uyên thâm, tất biết tìm ở ta những địa hình tương tự với địa điểm của Tàu (thông tính). Vậy sự thành tựu của học thuật là thông suốt được từ thuần túy đến thực tiễn, từ thông tính đến đặc tính. Những người như Tả Ao, Hoàng Nghiêm mới thấu được thông tính mà chưa thấu được đặc tính.

## B. Trạng Trình (1493-1588) Nói Sấm Nước

Ta cần biết sơ về thân thế ông Nguyễn Bình Khiêm, sinh vào thời mạt Lê (Lê Thánh Tông), thời thế rối ren.

Những trào lưu tư tưởng thời đó đại khái chia làm ba:

1. Phái Lê Quý đôn: Bác học (rudition) tức là thu thập tư tưởng để tập đại thành, không chủ trương tông phái của tự mình. Phái này biểu hiệu cho động cơ kiểm thảo học thuật mà một thời đại sắp biến chuyển vẫn thường có.
2. Phái Hương Hải Thiển Sư: Hoài Nghi Chủ Nghĩa đi từ hoài nghi dân sinh đến hoài nghi vũ trụ, biểu hiệu được ba tính cách:
  - a. Bi quan.
  - b. Hoài nghi.
  - c. Lãng mạn.Tính cách chung của dân chúng thời ấy đã lộ ra những áng văn: Tần Cung Oán, Chinh Phụ Ngâm, Tang Thương Ngẫu Lục...
3. Phái Trạng Trình: Phái này nhiều người cho là bi quan, yếm thế. Thực ra bên trong có thể gọi là lạc quan chủ nghĩa. Vì phái ông Trạng Trình sống trong thời kỳ bá đạo, ông là vị tổ đạo học bên ta, chịu ảnh hưởng Tống học, song không đi đến thanh đàm chủ nghĩa của nhiều Tống nho. Tâm yếu học thuật của ông ở hai chữ "Trung Tân":
  - Trung (chiết trung)        }
  - Tân (bến)                    } (đến bến).

Lấy thân thể Trạng Trình ra nghiên cứu, ta có thể chia ra làm mấy vấn đề:

- a. Văn học phát sinh: Về vấn đề này, nhiều phái đã bàn đến. Phái Duy Tâm cho là văn hoá phát sinh bởi con người được hưởng chữ Nhàn. Bên Duy Vật cho là lao động sinh văn hoá. Về phái ông Trạng Trình, nếu cứ lấy ít nhiều bài thơ mà nói cũng thấy ông nói nhiều về chữ Nhàn. Song xét kỹ ta thấy ông không phải chủ trương sự nhàn tản. Ông có viết: "chớ chớ thờ ơ, nhìn mới biết. Đỏ thì son đỏ, mực thì đen". Thực ra đời ông thường gồm những thời kỳ lao lực hành động và thời kỳ trầm tư. Cho nên học thuật của ông có tác dụng thành thực trong thực tiễn.

- b. Địa vị lịch sử của ông Trạng Trình: Ông tự coi mình là giám thị vận mệnh dân tộc, là người cải tạo quốc dân về tương lai. Bộ Sấm Ký làm ông thành người công dân bí mật của muôn đời. Đời Khổng Tử có soạn bộ Xuân Thu, ngụ ý bao biếm quá khứ; còn ông Trạng Trình muốn khen chê việc tương lai để giúp người sau gánh vác vận mệnh dân tộc.

Về tư tưởng thân thế Trạng Trình, xin dẫn câu trích trong bản văn tế của ông Đinh Thời Trung: “Học vi thiên hạ chi sư. Niên vi thiên hạ chi phụ. Quý tang kim ngọc. Hung trung Thượng đỉnh Chu đôn. Hăng trọng cương thường, thân thượng thiên quan địa lữ. Tiết di kiêu, bất truy đan tâm, chí ích tráng ninh chi bạch thủ. Truy tưởng tiên sinh chi diệu lý, thực khai đạo hạ chi uyên nguyên. Vu kim tài đức chi tác thành, quân nhập tiên sinh chi qui củ...”

Trước khi xem Sấm cần phải áp dụng hiệu khám học (bibliographie). Ngày nay có ba quyển Sấm:

1. Một quyển ở Viện Viễn Đông Bác Cổ, song thiếu mất “nhập hải chi đồ” (địa đồ chỗ Thánh nhân ở).
2. Một quyển dân gian truyền tụng.
3. Một quyển lưu truyền ở các nhà danh nho.

Những chữ chú thích của Phùng Khắc Khoan, Minh Mệnh, Ngô Thời Nhiệm đều sai lạc nhiều.

Nguyên cơ:

- a. Cổ ý làm sai lạc vì lợi ích một triều đại.
- b. Học vấn không tới (Phùng).
- c. Tam sao thất bản vì truyền tụng dân gian.

Muốn đọc Sấm, cần phải hiểu rõ bốn tinh chỉ sau này:

#### A. Tinh Chỉ Thứ Nhất: THUYẾT VỀ DI LẶC

Đọc các kinh sách tông giáo hay đọc sấm ký ta thường thấy nói đến thuyết Di Lặc Giáng Sinh, có câu: “Di Lặc giáng sinh, sa phù dĩ

chứng”, nghĩa là Đức Di Lặc xuống đời có chứng triệu ở nơi bãi cát. Trong sách Tam Giáo, như bộ “Di Lặc Giảng Thế Kinh” cũng có nói đến vấn đề ấy. Song muốn hiểu được chính ý của thuyết ấy, ta cần hiểu theo nghĩa trừu tượng hơn là hiểu theo nghĩa cụ thể. Thực ra thuyết đó trong các tôn giáo chỉ phát biểu cái “Cứu Thế Chủ Nghĩa” (Messianisme), theo đó người ta tin tưởng và tiên tri rằng: trong cuộc đời hỗn loạn sẽ có một vị thánh nhân xuất hiện (Messie) để cứu vớt nhân loại khỏi nơi trầm luân.

Vị thánh nhân là vị Phật tương lai, là Di Lặc. Muốn hiểu rõ Đức Di Lặc, ta cần nghiên cứu về Đức Phật Thích Ca là Đức Phật hiện tiền.

1. Thích Ca: Trước hết Đức Thích Ca là người tập đại thành được kinh nghiệm tri thức 4.000 năm văn hoá Aryen. Hơn nữa Đức Thích Ca làm một cuộc CM xã hội bằng hình thức tông giáo, chú trọng về sự đả phá phiền toái triết học (cholastique) và hình tượng chủ nghĩa (formalisme) của người Bà La Môn.
2. Di Lặc: Vì thế nên đức Di Lặc cũng có thể coi như một vị xuất hiện ra để tập đại thành những kinh nghiệm và tri thức văn hoá cũ, để xây đắp một nền xã hội văn minh mới. Đức Khổng Tử cũng từng nói rằng: “Kế Chu chi hậu, tuy bách thế khả tri hỉ” (sau nhà Chu 100 đời cũng khá có thể biết được vậy). Như thế chẳng tỏ ra rằng lời tiên tri của những người tự giác có thể tin dụng được sao?

Song muốn hiểu rõ thuyết Di Lặc giảng sinh ấy, ta cần phải khu vị hoá, nghĩa là khu định được chỗ Di Lặc xuất hiện. Như thế ta cần phải biết áp dụng hoàn cảnh phân bố học (écologie sociale), tức là tìm được nơi nào con người sống nặng nề dưới một áp lực xã hội tàn khốc, nó tất nhiên đưa đến một phản tình lớn lao.

Nhà Phật thường nói: “Hoa sen không mọc trên núi cao”. Câu đó cũng có nghĩa tương tự:

- a. Một là sản phẩm thiên nhiên nào cũng chỉ nảy nở được ở nơi điều kiện sinh sản thích ứng với tính chất mình.
- b. Hai là tự trong cây sen phải có một sức trỗi dậy mạnh mẽ.



Nếu thiếu một trong hai điều kiện đó, cây hoa sẽ cằn cỗi, cũng ví như một dân tộc bị áp bách không biết tìm những điều kiện khách quan và chủ quan để bước tới sự phản tỉnh lớn lao vượt khỏi xiềng xích ấy.

## B. Tinh chỉ thứ hai: TAM HIỂM

Trong Sấm Trạng Trình có câu:

“Chớ có tham mạnh tham giàu,  
Tìm nơi tam hiểm mới hầu ẩn thân”.

Hiểm nghĩa là hiểm yếu. Trong Kinh Dịch có quẻ Khảm nói về chữ Hiểm: “Thánh nhân thiết hiểm dĩ phòng gian. Hữu thiên hiểm dã, địa hiểm dã, nhân hiểm dã...” Thiên hiểm, địa hiểm, nhân hiểm đây cũng như trong quân sự, ta nói đến ba phạm trù là: thiên thời, địa lợi, nhân hoà.

- Thiên thời gồm có: (a) khí hậu, (b) thời tiết, (c) âm dương.
- Địa lợi có: (a) địa thế: bình dị, cao, dễ thấy, (b) địa vật: cái gì nổi lên mặt đất (nhà, núi...).
- Nhân hoà: (a) tổ chức xã hội, (b) kinh tế kết cấu, (c) tâm lý quần chúng.

Trên đây là ba nguyên tố trên mọi việc, mọi phạm trù tất yếu cần phải tung hợp nổi mới tới sự thành công được. Mạnh tử nói: “Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hoà”. Như thế người lãnh đạo công việc xã hội cần phải đạt ý nghĩa thâm thiết của tam hiểm vậy.

1. Thiên Thời: Cái hiểm nhất của thiên thời tức là sự vận động đương biến của lịch sử.

Khổng Tử có câu:

- “Tri cơ giả nan hỉ” (Biết được thời cơ khó thay).
- “Tri tiến, thoái, tồn, vong, kỳ duy thánh nhân dã” (Biết được tiến, thoái, còn, mất chỉ có thánh nhân vậy).
- “Thời hề! Thời hề! Thời chi nghĩa đại hỉ tai!” (Ôi! chữ thời! chữ thời! Nghĩa chữ thời to lắm thay!).

Nguyễn Hữu Chinh cũng nói: “Một ngày là Thời, hai ngày là Thế, ba ngày là Cơ”. Nghĩa là: việc phải làm trong một phút chốc, phút ấy tức là cái nút của công việc, tức là Thời. Song nếu ta chậm trễ, lỡ mất giây phút ấy để chuyển sang một tình thế khó định đoạt hơn, tức là Thế. Nếu cứ để mặc tình thế sẽ thành phức tạp hơn, nên càng cần phải chờ đợi để chuyển sang cái nút khác mới vận dụng được là Cơ.

Tính cách dự kế thống chế CMDD [Cách Mạng Duy Dân] cũng là ngụ Đẳng Lực trong Thời Cơ vậy.

2. Địa Lợi: Cái hiểm nhất của địa hiểm là Địa Động, tức là sự vận dụng hình thế đất theo những biến thiên xã hội và lịch sử. Song giá trị của những hình thế cũng còn tùy theo từng thời đại. Vì thế sinh hoạt của quốc gia vẫn ảnh hưởng đến giá trị các vị trí. Tỉ dụ như: kênh Suez chưa đào thì Hảo Vọng Giác (Cap de Espérance) nắm giữ các đường hàng hải. Ở nước ta, khi phạm vi sinh hoạt dân tộc thiên xuống Trung Châu và con đường Nghĩa lộ chưa qua Chi Lăng, thì Thăng Long thành là trung tâm địa điểm. Khi con đường Đập Cầu - Lạng Sơn chưa đắp xong thì con đường Chi Lăng - Vạn Kiếp - Phả Lại là quan trọng.

Cho nên, tuy hình thế bao giờ cũng bất di bất dịch (tỉ dụ như Ba Thục bao giờ cũng được coi như trọng địa), song sự vận dụng hình thế vẫn tùy theo thời đại.

Vì vậy nên ngụ Địa Hiểm vào Địa Động là điều thứ hai trong kế hoạch CMDD vậy.

Nay ta thử đọc Sấm Trạng Trình:  
“Tìm nơi tam hiểm mới hầu dưỡng thân  
Đằng Giang chốn ấy cũng gần,  
Kim Ngưu song ấy cũng gần thưở nơi,  
Ba Thục một góc phương trời,  
Thái Nguyên một giải là nơi trú đình”.

Đằng Giang, Kim Ngưu, Ba Thục, Thái Nguyên dùng để chỉ mấy địa điểm tối cao trong bao nhiêu cuộc đấu tranh giữa ta và Tàu. Đằng Giang chỉ con sông qua Vạn Kiếp. Kim Ngưu là

Thanh Giang (Rivière Claire). Ba Thục là đất Trấn Ninh, còn Thái Nguyên là con đường thượng đạo nối liền Trấn Ninh với Sơn Tây vậy.

Cứ lấy kinh nghiệm về chiến lược trong lịch sử mà nói, sự phân bố binh bị bao giờ cũng qui theo hình tam giác của mấy địa điểm ấy. Từ Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ, Nguyễn Quang Trung đến vua Hàm Nghi, các chiến lược đều căn cứ vào mấy địa điểm ấy. Song trong quân sự bao giờ cũng nhớ rằng: địa hình tuy là thế, song hình thế có khác nhau tùy theo từng thời đại. Tóm thâu được hình thế đặc biệt của thời đại để vận dụng được địa hình, đó mới là nhập dụng vậy. Ngô Thời Nhiệm có câu: “Đánh, lui, giữ, bỏ là phải tùy theo hình thế của thời đại”.

3. Nhân Hoà: Nhân hoà có mấy điểm sau đây:
- Nhân tài biết lựa chọn.
  - Sự tổ chức khéo léo.
  - Biết tìm văn hoá mới làm động cơ.
  - Biết bả ác được quyết thắng, tỉ dụ như tâm lý quần chúng thường xu thế đến một ngày mà ta cần biết nắm giữ lấy.

Vì vậy nên kế hoạch thứ ba của CMDD là ngụ Nhân Tài vào Nhân Tâm.

### C. Tinh Chỉ Thứ Ba: Giải thích Ba Thục, Thái Nguyên, Trung Nguyên

Đây là mấy danh từ địa lý trong địa dư Tàu, muốn làm rõ những thuật ngữ về địa động, muốn biết rõ ý nghĩa những thuật ngữ đó, ta cần biết áp dụng phương pháp nghiên cứu những kinh nghiệm lịch sử.

Trên đây là ba tên trong địa dư Tàu. Đem nối ba tên Ba Thục, Thái Nguyên, Trung Nguyên lại ta thấy rõ con đường kỷ hà của lịch sử học qua mọi hưng vong của các thời đại.

- a. Ba Thục: Đây là chỉ đất Tứ Xuyên bên Tàu, bốn bề hiểm yếu, bên trong đất đai phì nhiêu, dân cư đông đúc. Lý Bạch có viết: “Thục đạo chi nan, nan ư thượng thanh thiên” (Đường vào Thục khó như đường lên trời xanh vậy). Đó là nơi tàng thân chuẩn bị được. Vì thế nên từ Lưu Bang đến Tưởng Giới Thạch, đất Tứ Xuyên thường được lấy làm căn cứ đề kháng để đợi thời cơ thuận tiện.
- b. Trung Nguyên: Đất Hà Nam ngày nay, trên Dương Tử Giang. Xưa kia từ đời Đường trở lên, phạm vi dân tộc Trung Hoa còn nhỏ hẹp, nên đất Hà Nam là trung tâm điểm gọi là Trung Nguyên. Ngày nay, Nam Kinh đã chiếm lấy địa vị ấy và thành nơi bọc ổ (berceau=cái nôi) văn hoá Tàu.
- c. Thái Nguyên: Giữa nơi trọng địa là Ba Thục và trung tâm văn hoá là Trung Nguyên (gọi là Hoa địa), phải có giải đất nối liền để công việc hành quân phát động từ Ba Thục có thể chiếm được Trung Nguyên, giải đất đó là quan địa, tức Thái Nguyên. Trên giải đất đó, ta thấy địa điểm quân sự mà sử Tàu gọi là Nhạn Môn Quan hay là Sạn Đạo.

Nay trở lại Sấm Trạng Trình, nhờ mấy điều nhận xét trên đây, áp dụng vào kinh nghiệm lịch sử Việt, ta có thể khu định được ý nghĩa trong Sấm:

1. Ba Thục: Trấn Ninh.
2. Trung Nguyên: “Đố ai biết được có nhà Đà Giang  
Tả Bạch Hạc, hữu Thuỷ trường,  
Kiền Môn án trước, Non vàng tựa sau”.

(Kiền Môn là cửa Đại Kiền ở Hà Tĩnh; Non vàng là Hưng Hoá). Ta có thể khu định đất Trung Nguyên là đất Văn Lang, Phong Châu ngày trước.

3. Thái Nguyên: “Thái Nguyên bên Bắc đường sau.  
Hễ ai tìm được mới vào Thần Cơ”.

Tức là con đường Trấn Ninh – Sơn Tây – Thanh Hoá.

Ông Trạng Trình trong lời Sấm truyền lại, sở dĩ khu định nổi những đất đai một cách rõ rệt cũng là nhờ ở sức học của ông áp dụng nổi những kinh nghiệm lịch sử.

Nếu ông chỉ đứng nguyên về phương diện Thái Ất thuần túy, sự khu định địa điểm chỉ có thể bằng phương hướng (Đoài phương thực có chân nhân) mà không rõ ràng như trên được.

#### D. Tinh Chi Thứ Bốn: Y Bát

Trong Sấm có câu: “Thần qui trồng ở bên trời,  
Dùng làm thần khí có nơi trị trường,  
Vốn lòng y bát dõ truyền  
Con công tứ báo, còn tên đời đời”.

Chữ “Y Bát” ở đây là chỉ cái đạo thống; “Thần Khí” chỉ các quốc truyền. Ngày xưa đức Thích Ca khi viên tịch, truyền lại cho ngài Ca Diếp tấm áo cà sa (y) và chiếc bát đi ăn xin (bát) của ngài, để biểu hiệu cho sự tâm truyền đạo pháp. Đó tức là sợi dây rợ lịch sử truyền dõ chân lý đời đời. Đứng trên lập trường CM dân tộc mà nói, Y Bát và Thần Khí tiêu biểu cho cái công cụ vũ khí tinh thần mà dân tộc sử dụng trong quá trình lịch sử. Nay ta muốn làm CM Dân Tộc, cần phải khôi phục lại đạo thống và quốc thống cổ truyền. Bằng không, một nền độc lập siêu nhiên không thể thành lập được.

Ta thử nhìn xem trong lịch sử, bất cứ một cuộc CM xã hội nào, những người đứng lên xướng xuất cũng phải xây dựng lại đạo thống, căn cứ vào lịch sử.

- Đạo Nho lấy Tổ là Nghiêu Thuấn, lấy Tông là Văn, Vũ, lấy Tử là Ngũ Bá.
- Phái Duy Vật lấy Héraclite, Démocrate.
- Phái Duy Tâm lấy Platon, Hegel.
- Đạo Phật lấy Nhiên Đăng làm quá khứ Phật, lấy Di Lặc làm tương lai Phật.
- Đạo Gia Tô lấy Adam, Abraham, Moise...

Còn Quốc Thống Việt hay Thần Khí thường chỉ các linh vật biểu hiện sự truyền dõ quốc quyền: cái vuốt Rồng, Rùa, Bông Lau, Gậy Tre, Sách Hoá, Đốt Trúc, đều là Thần Khí trong sử Việt. Tất cả những việc đó đều tiêu biểu những giai đoạn quật khởi trong bài “Tiến hành khúc” của Dân Tộc Việt.

Cho nên đọc Sấm mà không luận nổi kinh nghiệm và thời cơ lịch sử, chỉ có thể đưa ta đến suy tưởng lảm lạc và cuồng bậy. Vì Sấm Ký là cả một Thời Cơ Luận.

Khoá Huấn Luyện Đặc Biệt  
4824 TV - (1945)  
Thái Dịch - LĐA

---

### BẠCH VÂN ĐÀN HỌA

Mây lành hiện vẻ cát xây ngại  
Điền phá ai người dễ biết ai?  
Đùng đỉnh Thái Nguyên ngay trước mặt,  
Rập rìu Ba Thục, chính mang tai.  
Thần cơ dẫn dắt, đường tam hiểm,  
Y bát trao truyền, vận thất khai.  
Ngày đến Tiểu Văn Lang sẽ thấy  
Ngẩng nhìn, sao Tất sáng phai phai.

4824 TV  
XY-LĐA